

TaiLieu.vn

## CHƯƠNG 2

# KHÁI NIỆM VỀ BẢN ĐỒ ĐỊA HÌNH

# 2.1. BẢN ĐỒ VÀ MẶT CẮT ĐỊA HÌNH

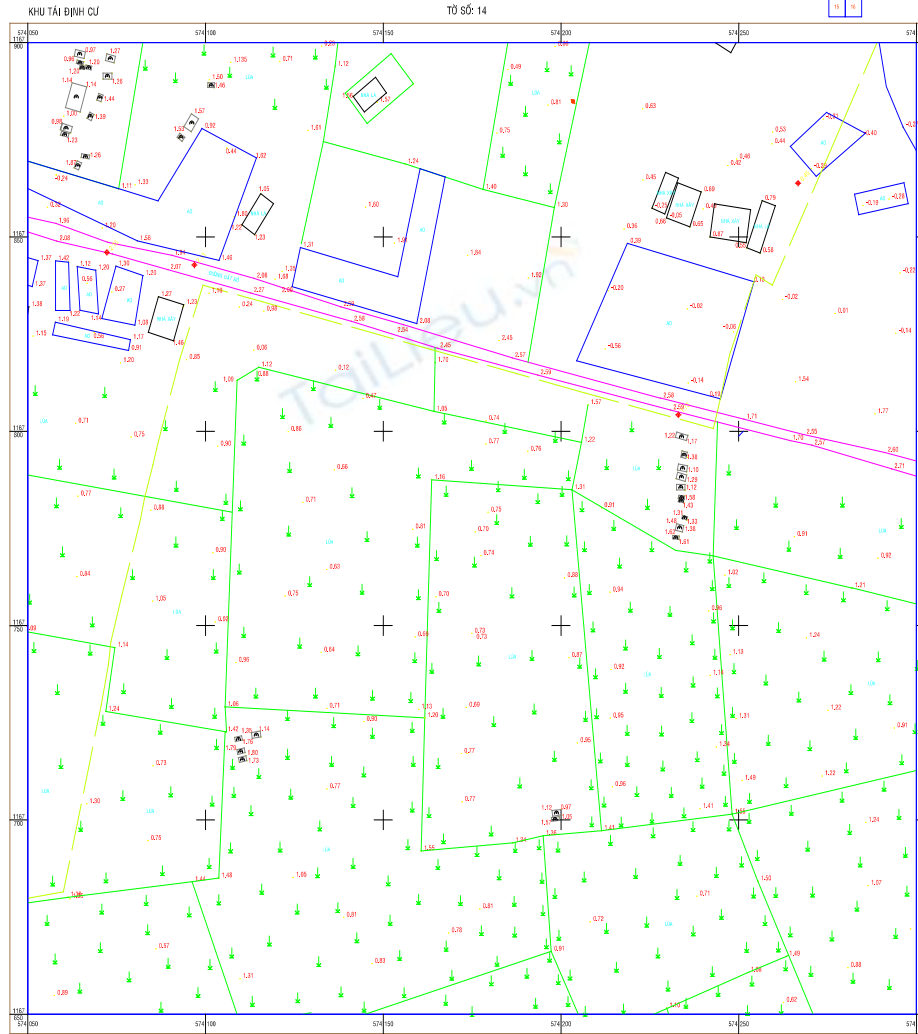
## BẢN ĐỒ ĐỊA HÌNH

Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀNG VÀNG

Địa điểm: PHƯỜNG 5, TỈNH TÂY AN

TỜ SỐ: 14

SƠ ĐỒ RÁP MÀN



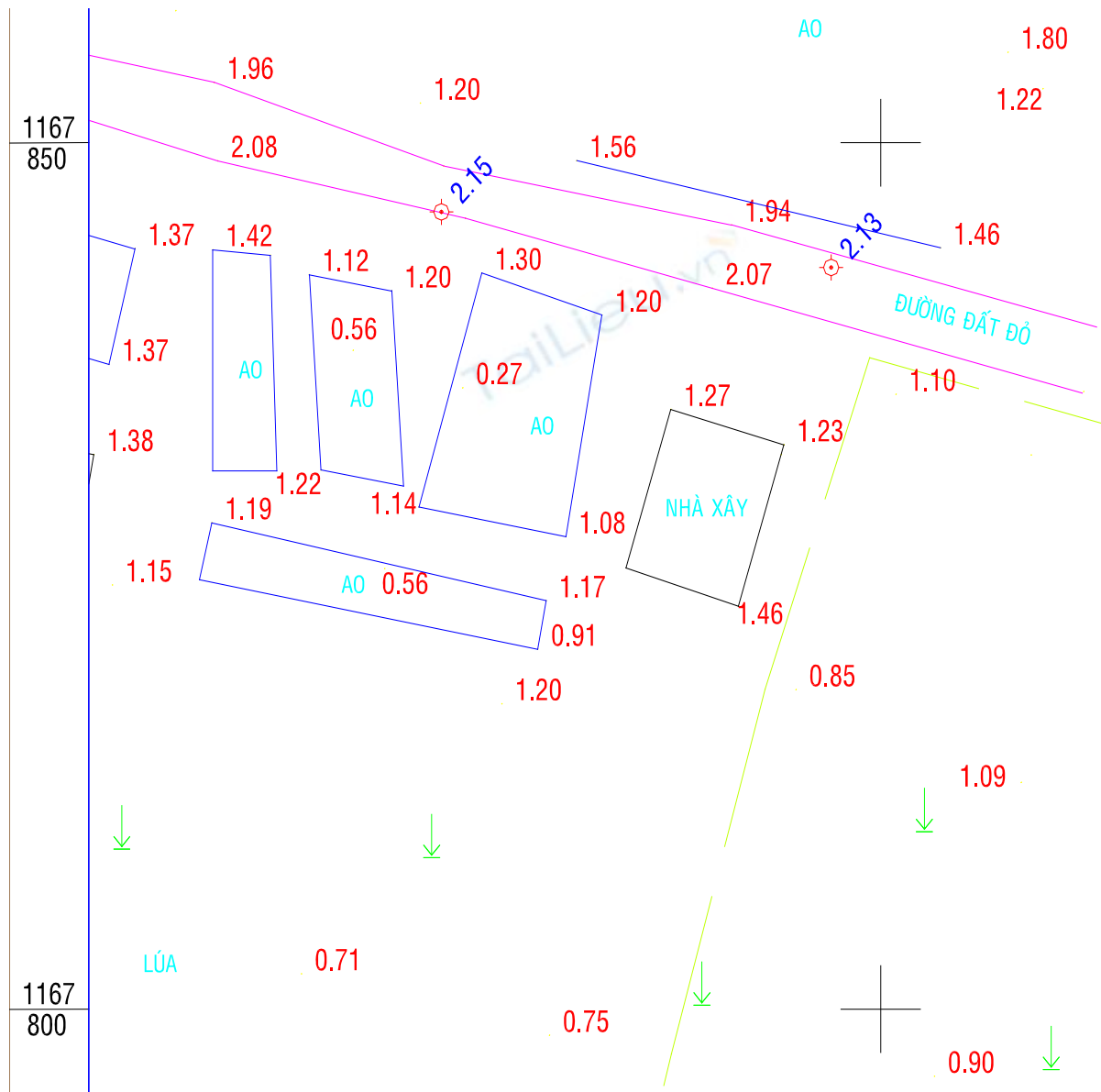
TỈ LỆ 1:500  
SCALE 1:500

- |                           |                            |                                      |                                   |               |                                   |                        |                    |
|---------------------------|----------------------------|--------------------------------------|-----------------------------------|---------------|-----------------------------------|------------------------|--------------------|
| Đường đỏ<br>Boundaries    | Đường đỏ<br>Street         | Đường đỏ chấm chấm<br>Drainage ditch | Đường chấm chấm<br>Water level    | Trũng<br>Well | Đường chấm chấm<br>Drainage ditch | Đường đỏ<br>Boundaries | Đường đỏ<br>Street |
| Hình chữ nhật<br>Building | Hình chữ nhật nhỏ<br>House | Trũng<br>Well                        | Đường chấm chấm<br>Drainage ditch | Trũng<br>Well | Đường chấm chấm<br>Drainage ditch | Đường đỏ<br>Boundaries | Đường đỏ<br>Street |

	Chôn Chôn
	Chôn, Chôn
	Chôn, Chôn
	Chôn, Chôn
	Chôn, Chôn
	Chôn, Chôn

CÔNG TRÌNH:		NGÀY BÀN
KHU TÁI ĐỊNH CƯ		2011/2007
PHƯỜNG 5 - TX TÂY AN		TỈ LỆ 1:500
SCALE 1:500		
GIÁM ĐỐC	CÔNG TRƯ	KHO VẬT
	MÀNG-KH	SERVEUR
		CHECKED

# 2.1. BẢN ĐỒ VÀ MẶT CẮT ĐỊA HÌNH



# 1. BẢN ĐỒ ĐỊA HÌNH:

- *Bản đồ địa hình*: là hình ảnh thu nhỏ một phần bề mặt đất lên mặt phẳng nằm ngang với một phép chiếu và một tỉ lệ nhất định.

- *Nội dung của bản đồ địa hình bao gồm*:

- *Địa vật*: nhà cửa, đường sá, ao hồ, cây cối, trụ điện...

- *Địa hình (dáng đất)*: là những điểm thể hiện sự lồi lõm hay cao thấp của bề mặt đất.

## 2. MẶT CẮT ĐỊA HÌNH:

- *Mặt cắt địa hình*: là hình chiếu thu nhỏ theo tỉ lệ nhất định mặt cắt mặt đất theo một hướng đã chọn lên mặt phẳng thẳng đứng.
- *Mặt cắt địa hình được chia thành 2 loại*:
  - *Mặt cắt dọc*: được thể hiện theo 2 tỉ lệ đứng và ngang, tỉ lệ đứng thường lớn hơn tỉ lệ ngang 10 lần
  - *Mặt cắt ngang*: có tỉ lệ đứng và tỉ lệ ngang bằng nhau.

## 2.2 TỶ LỆ BẢN ĐỒ

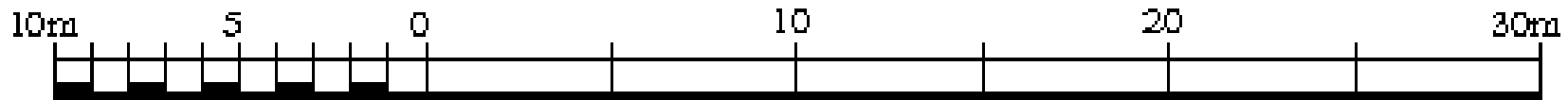
### 1. ĐỊNH NGHĨA TỶ LỆ BẢN ĐỒ:

- *Tỷ lệ bản đồ*: là tỷ số giữa độ dài một đoạn thẳng trên bản đồ với độ dài của chính đoạn thẳng đó ngoài thực địa.

- Ký hiệu:  $\frac{1}{M}$  hoặc 1/M hoặc 1:M

# TỶ LỆ 1:500

1cm trên bản đồ bằng 5m trên thực địa



## 2. ĐỘ CHÍNH XÁC CỦA TỶ LỆ:

- Độ chính xác bản đồ theo tỷ lệ:  $t = 0,1\text{mm} \times M$

$$t = D_{\min} = 0,1\text{mm} \times M$$

## 3. PHÂN LOẠI BẢN ĐỒ THEO TỶ LỆ:

- BĐĐH TL lớn: 1/500; 1/1000, 1/2000, 1/5000

- BĐĐH TL trung bình: 1/10.000; 1/25.000;  
1/50.000

- BĐĐH TL nhỏ: 1/100.000; 1/200.000;  
1/500.000; 1/1000.000